




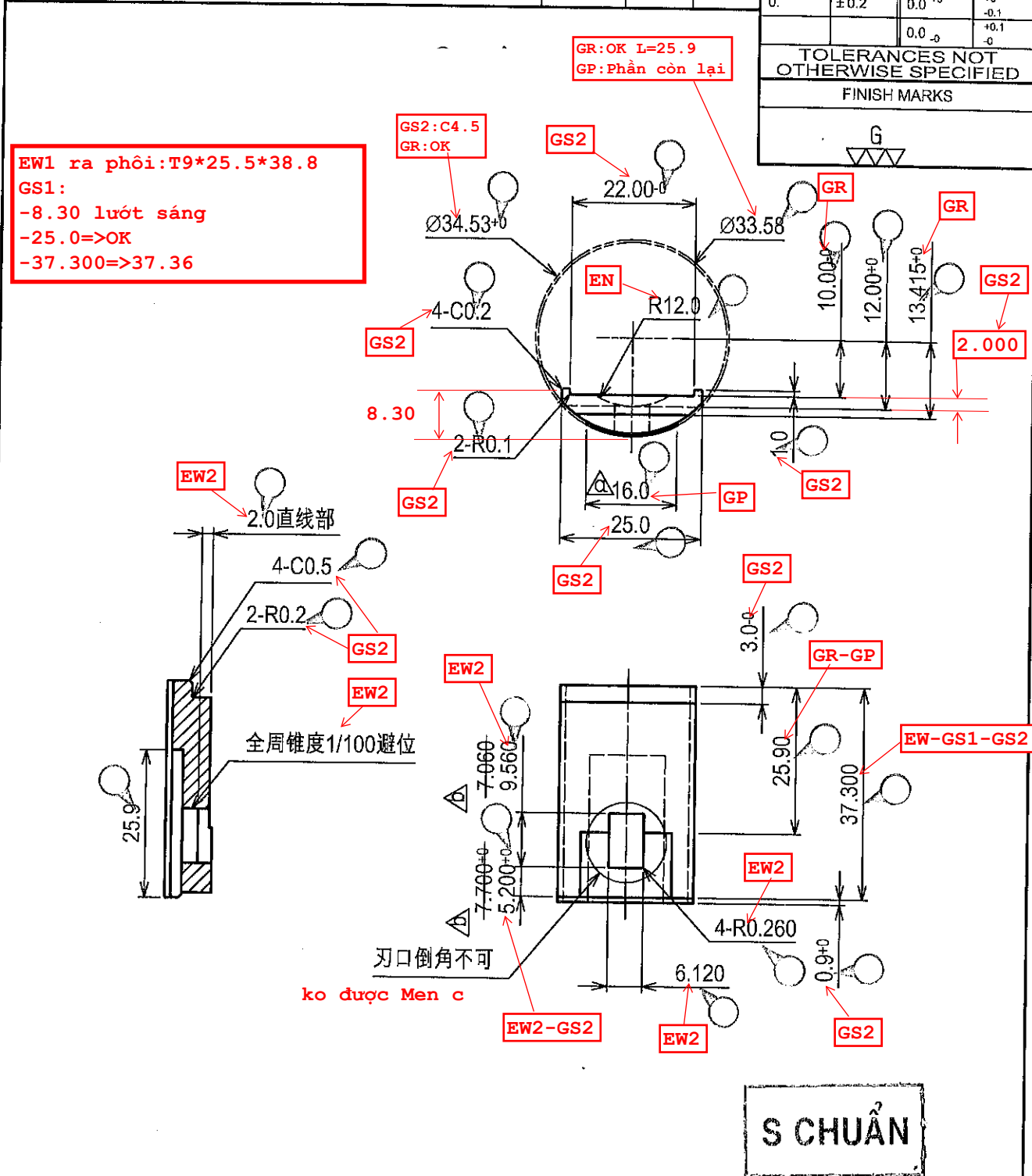

REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.						0.0000	± 0.002	0.000 ⁺⁰	+0 -0.005
	2016/7/4	与下型脱模器干涉，修改。		王淦霖	叶长敬	0.000	± 0.005	0.000 ₋₀	+0.005 -0
	2018/09/11	バリ対策及材質統合(SKH51→WC材)、HRC62~64削除	SS-VDM-18-05-005	Peng_Wei_Chun	Hsu_Chin_Chan	0.00	± 0.01	0.00 ⁺⁰	+0 -0.01
						0.0	± 0.1	0.00 ₋₀	+0.01 -0
						0	± 0.0	0.0 ⁺⁰	+0

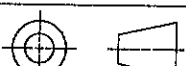
0.	± 0.2	0.0	-0.1
		0.0	-0.1

TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED

FINISH MARKS

G



DSGND.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME
Wang_Gan_Pei	Ye_Chang_Jing	部品図		盤板
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		BASE PLATE
HRC		部品図		盤板
		部品図		盤板
MATERIAL	DATE	SCALE		DWG.No.
WC(D30/HIP)	2016/01/11	1:1		R058250

SNO: **R058250**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: T9*28*40	EW1:30 GS:40 ED:20 EW2:75 GS2:180 GR:150 EN:200 GP:90 KT